

Hà Nội, ngày 14 tháng 04 năm 2020

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN/ANNUAL REPORT
Công ty cổ phần Chế tạo Biến thể và Vật liệu điện Hà Nội
Năm báo cáo/Year: 2020

I. Thông tin chung/ General information:

1. Thông tin khái quát/ General information:

- Tên giao dịch/ *Trading name*: Công ty cổ phần Chế tạo Biến thể và Vật liệu điện Hà Nội
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số/*Certificate of business registration No*: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, mã số: 0100779340, cấp thay đổi lần thứ 12, ngày cấp: 04/08/2020, nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội.
- Vốn điều lệ/ *Charter capital*: 250.000.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi tỷ đồng)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu/ *Owner's capital*: 250.000.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi tỷ đồng)
- Địa chỉ/*Address*: Số 55 đường K2, Phường Cầu Diễn, Quận Nam Từ Liêm, Tp. Hà Nội
- Số điện thoại/*Telephone*: 04 37644795 - Số fax/*Fax*: 04 37644796
- Website: ctbt.vn
- Mã cổ phiếu (nếu có)/*Securities code (if any)*: BTH

Quá trình hình thành và phát triển/Incorporation and development process

- Quá trình hình thành và phát triển/ *Foundation and development process*.

Tiền thân là Nhà máy Chế tạo Biến thể thuộc Tổng công ty Thiết bị kỹ thuật điện, Bộ Công Thương, thành lập năm 1963. Năm 1994 góp 100% vốn thành lập Công ty liên doanh ABB. Tháng 1 năm 1999 tách ra khỏi Công ty liên doanh ABB thành lập lại Nhà máy Chế tạo Biến thể. Thực hiện cổ phần hóa tháng 3 năm 2005, tháng 9 năm 2005 hợp nhất với Công ty cổ phần Thiết bị điện Hà Nội thành Công ty cổ phần Chế tạo Biến thể và Vật liệu điện Hà Nội.

+ Thời điểm niêm yết, ngày 04/01/2008 tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội).

+ Thời điểm hủy niêm yết, ngày 07/05/2015 theo Quyết định số 196/QĐ-SGDHN ngày 10/4/2015 của SGDCK Hà Nội.

+ Thời điểm niêm yết Upcom ngày 27/09/2017 tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội theo quyết định số 796/QĐ-SGDHN ngày 20/09/2017

- Các sự kiện khác/*Other events*

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh/ *Lines and locations of the business*:

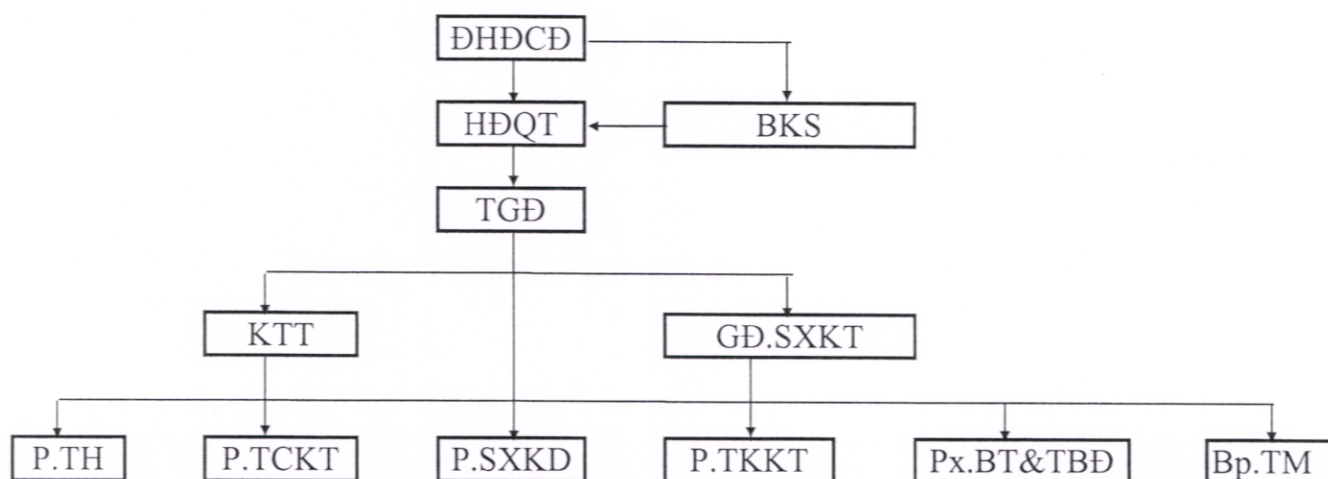
- Ngành nghề kinh doanh/*Lines of the business*:

- ✓ Kinh doanh bất động sản; quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản; Cho thuê văn phòng;
- ✓ Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thể điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện. Chi tiết: Sản xuất máy biến áp và các loại thiết bị điện, khí cụ điện, vật liệu điện, máy móc kỹ thuật điện có điện áp đến 110KV;

- ✓ Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Mua bán máy biến áp và các loại thiết bị điện, khí cụ điện, vật liệu điện, máy móc kỹ thuật điện có điện áp đến 110KV;
- ✓ Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ nhà hàng ăn uống (không bao gồm kinh doanh phòng hát Karaoke, quán bar, vũ trường);
- ✓ Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: Đại lý, ký gửi, bán buôn, bán lẻ hàng hóa, vật tư thiết bị điện, điện tử, thông tin viễn thông;
- ✓ Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây lắp đường dây và trạm biến áp có điện áp đến 110KV;
- ✓ Sửa chữa thiết bị khác. Chi tiết: sửa chữa, bảo dưỡng các thiết bị điện công nghiệp có điện áp đến 110KV ;
- ✓ Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết : Kinh doanh xuất nhập khẩu các loại vật tư thiết bị điện và vật liệu cách điện ;
- ✓ Đối với những ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ hoạt động kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý/ Information about governance model, business organization and managerial apparatus

- Mô hình quản trị/ Governance model. Cơ cấu bộ máy quản lý/ Management structure.



- Các công ty con, công ty liên kết/ Subsidiaries, associated companies: không có

4. Định hướng phát triển/ Development orientations

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty/ Main objectives of the Company..

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn/ Development strategies in medium and long term.

+ Thực hiện đầu tư xây dựng khu hỗn hợp dịch vụ nhà ở, nhà trẻ và cây xanh.

+ Ổn định tổ chức, sắp xếp lại sản xuất, tìm kiếm thị trường sản xuất sản phẩm truyền thống của công ty, bao gồm máy biến áp, sản phẩm thiết bị điện;

+ Đẩy mạnh hoạt động kinh doanh thương mại thiết bị điện.

- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty/ Corporate objectives with regard to Corporate environment, society and community Sustainability.

5. Các rủi ro/ Risks:

II. Tình hình hoạt động trong năm/ Yearly Operations

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh/ Situation of production and business operations

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm/ Results of business operations in the year:

Số TT	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch	Thực hiện
1	Tổng doanh thu thuần	đồng	9.430.000.000	22.933.536.126
a	Doanh thu bán thành phẩm	"	1.610.000.000	2.505.400.000
b	Doanh thu bán hàng hóa	"		496.568.412
c	Doanh thu cung cấp dịch vụ	"		1.274.343.816
d	Doanh thu hoạt động tài chính	"	7.820.000.000	18.368.616.953
e	Doanh thu khác	"		288.606.945
2	Tổng chi phí	"	1.080.000.000	6.980.751.116
3	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	đồng	8.350.000.000	15.952.785.010
4	Lợi nhuận sau thuế TNDN	đồng	6.680.000.000	13.711.142.910
	Chi trả cổ tức	%/năm		

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch/ Implementation situation/actual progress against the plan:

Năm 2020 công ty đưa kế hoạch doanh thu là 9.43 tỷ và kế hoạch lợi nhuận trước thuế 8.35 tỷ. Theo số liệu trên công ty vượt kế hoạch về tổng doanh thu và lợi nhuận, kết quả thực hiện doanh thu so với kế hoạch như sau:

- Doanh thu hoạt động kinh doanh đạt 265,61% (4.276.312.228/1.610.000.000) so với kế hoạch.

- Doanh thu hoạt động tài chính đạt 234,89% (18.368.616.953/7.820.000.000) so với kế hoạch.

- Tổng doanh thu đạt 240,13% (22.644.929.181/9.430.000.000) so với kế hoạch.

- Tổng chi phí đạt 646,36% (6.980.751.116/1.080.000.000) so với kế hoạch.

- Lợi nhuận sau thuế đạt 205,25 % (13.711.142.910/6.680.000.000)

2. Tổ chức và nhân sự/Organization and Human resource

- Danh sách Ban điều hành/ List of the Board of Directors:

+ Ông **Thạch Anh Đức**, Tổng giám đốc.

Sinh ngày: 14/02/1975 Nơi sinh: Hà nội

Địa chỉ thường trú: TT 404 Đường Láng, Láng Thượng, Đống Đa, HN

Trình độ học vấn: Thạc sỹ

Số cổ phần sở hữu cá nhân: 0

Số cổ phần đại diện cho nhà nước: 0

+ Bà **Lê Thị Thu Hương**, Kế toán trưởng

Sinh ngày: 05/01/1971 Nơi sinh: Hà Nội

Địa chỉ thường trú: P107,B13 TT BV Bạch Mai, P.Phương Mai, Q.Đống Đa, HN

Trình độ học vấn: Cử nhân kinh tế

Số cổ phần sở hữu cá nhân: 0

Số cổ phần đại diện cho nhà nước: 0

- Những thay đổi trong ban điều hành/ *Changes in the Board of Management*: (Liệt kê các thay đổi trong Ban điều hành trong năm)/(List the changes in the Board of Management of the year):

+ Trong năm 2020 có sự thay đổi về nhân sự Ban điều hành: Bỏ nhiệm ông Thạch Anh Đức giữ chức vụ Tổng giám đốc thay thế ông Hoàng Trung kể từ ngày 1/8/2020; Bỏ nhiệm bà Lê Thị Thu Hương giữ chức vụ Kế toán trưởng thay thế ông Vũ Tiến Bình kể từ ngày 1/9/2020.

- Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động./*Number of staffs. Summary and changes of the employee policies.*

Số lượng cán bộ, nhân viên: 16 người, phân loại như sau:

Stt	Trình độ lao động	Số lao động			Ghi chú
		Tổng số	Nam	Nữ	
1	Đại học, cao đẳng	8	5	3	
2	Trung cấp, công nhân kỹ thuật	5	3	2	
3	Lao động phổ thông	3	2	1	
	Cộng	16	9	7	

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án/*Investment activities, project implementation*

a) Các khoản đầu tư lớn/ *Major investments*:

Tiếp tục thực hiện Nghị quyết ĐHCĐ bất thường ngày 28/12/2017 về việc thực hiện đầu tư dự án xây dựng khu hỗn hợp dịch vụ nhà ở, nhà trẻ và cây xanh tại trụ sở công ty số 55 đường K2 phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội và Nghị quyết ĐHCĐ thường niên 2018 ngày 10/05/2018 về việc triển khai đầu tư xây dựng khu hỗn hợp dịch vụ nhà ở, nhà trẻ và cây xanh

b) Các công ty con, công ty liên kết/ *Subsidiaries, associated companies*: Không có

4. Tình hình tài chính/ *Financial situation*

a) Tình hình tài chính/ *Financial situation*

Chi tiêu/ <i>Financial Figure</i>	Năm/Year 2019	Năm/Year 2020	% tăng giảm/ % change
Tổng giá trị tài sản/ <i>Total asset</i>	254.227.276.343	268.474.814.332	+5,6%
Doanh thu thuần/ <i>Net revenue</i>	7.188.739.927	4.276.312.228	-40,5%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ <i>Profit from operating activities</i>	9.051.508.813	15.723.122.343	+73,7%
Lợi nhuận khác/ <i>Other profits</i>	(3.466.393.636)	229.662.667	
Lợi nhuận trước thuế/ <i>Profit before tax</i>	5.585.115.177	15.952.785.010	+185,6%
Lợi nhuận sau thuế/ <i>Profit after tax</i>	4.512.489.218	13.711.142.910	+200,04%+
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức/ <i>Payout ratio</i>			

- Các chỉ tiêu khác/ *other figures*:

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu/*Major financial benchmarks*:

Chi tiêu/ <i>Benchmarks</i>	Năm/Year 2019	Năm/Year 2020	Ghi chú/ <i>Note</i>
<p>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán/ <i>Solvency ratio</i></p> <p>+ Hệ số thanh toán ngắn hạn/<i>Current ratio</i>: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn (<i>Short term Asset/Short term debt</i>)</p> <p>+ Hệ số thanh toán nhanh/<i>Quick ratio</i>: Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn <i>Short term Asset - Inventories</i> <i>Short term Debt</i></p>	28,42	29	
<p>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn/ <i>capital structure Ratio</i></p> <p>+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản (<i>Debt/Total assets ratio</i>)</p> <p>+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu (<i>Debt/Owners' Equity ratio</i>)</p>	0,029	0,03	
<p>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động/ <i>Operation capability Ratio</i></p> <p>+ Vòng quay hàng tồn kho/ <i>Inventory turnover</i>: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân (<i>Cost of goods sold/Average inventory</i>)</p> <p>Doanh thu thuần/Tổng tài sản (<i>Net revenue/ Total Assets</i>)</p>	0,73	0	
<p>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời/ <i>Target on Profitability</i></p> <p>+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (<i>profit after tax/ Net revenue Ratio</i>)</p> <p>+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (<i>profit after tax/ total capital Ratio</i>)</p> <p>+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (<i>profit after tax/ Total assets Ratio</i>)</p> <p>+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần (<i>Operating profit/ Net revenue Ratio</i>)</p>	0,627	3,2	
	0,018	0,053	
	0,0177	0,051	
	1,259	3,67	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/ *Shareholders structure, change in the owner's equity*.

a) Cổ phần/*Shares*:

- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 25.000.000 cổ phần
- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông

b) Cơ cấu cổ đông/*Shareholders structure*:

Theo danh sách cổ đông chốt tại ngày 26/05/2020

Stt	Phân loại	Số lượng cổ đông	Số cổ phần nắm giữ	%/Vốn điều lệ
1	Cổ đông pháp nhân	17	16.253.323	65.01%
2	Cổ đông thể nhân	166	8.746.677	34.99%
1	Cổ đông Nhà nước	0	0	0
2	Cổ đông khác	0	0	0
	Cộng	183	25.000.000	100

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/ *Change in the owner's equity: Không thay đổi*

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ/ *Transaction of treasury stocks: không có giao dịch.*

e) Các chứng khoán khác/ *Other securities: không có giao dịch*

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty/ *Report related impact of the Company on the environment and society*

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc/ *Report and assessment of the Board of Management*

Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau/ *The Board of Management's reports and assessments shall include at least the following contents:*

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh/ *Assessment of operating results*

Năm 2020

Dừng hoạt động cho thuê nhà xưởng, kiểm kê thanh lý tài sản, giải quyết chế độ cho người lao động, phá dỡ, giải phóng mặt bằng, thi công hàng rào, cọc thử, phối hợp với cơ quan liên quan tính tiền sử dụng đất; lập hồ sơ thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công và tổng dự toán....và các bước tiếp theo triển khai dự án thực hiện dự án xây dựng khu hỗn hợp dịch vụ, nhà ở, nhà trẻ và cây xanh tại địa chỉ số 55 đường K2, P. Cầu Diễn, Q. Nam Từ Liêm, TP.Hà Nội.

2. Tình hình tài chính/ *Financial Situation*

a) Tình hình tài sản/ *Assets*

Năm 2020 Công ty tiến hành toàn bộ nhà xưởng, máy móc thiết bị, vật tư, hàng hóa, thành phẩm để trả mặt bằng thực hiện dự án nhà ở.

b) Tình hình nợ phải trả/ *Liabilities*

Nợ phải trả tại ngày 31/12/2020 là 5.783.974.822 đ

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý/ *Improvements in organizational structure, policies, management.*

- Tăng cường công tác quản lý, nâng cao tinh thần trách nhiệm của đội ngũ cán bộ công nhân viên công ty. Có cơ chế động viên, kích thích người lao động làm việc.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai/ *Development plans in the future: Thực hiện và vận hành dự án nhà ở.*

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có) - (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp thuận toàn phần)/ *Explanation of the Board of Directors for auditor's opinions (if any) - (In case the auditor's opinions are not absolutely approved): đồng ý với ý kiến của Kiểm toán nêu trong báo cáo kiểm toán năm 2019.*

